

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIẢNG DẠY MÔN THỂ DỤC PHỔ TU CHO SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

TS. Nguyễn Văn Hòa¹; ThS. Ngô Thị Thúy Nga¹

Tóm tắt: Bằng các phương pháp nghiên cứu thường quy, tiến hành đánh giá thực trạng công tác giảng dạy môn Thể dục phổ tu cho sinh viên năm thứ nhất ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, thông qua nghiên cứu nội dung chương trình, các điều kiện đảm bảo cho quá trình dạy học cũng như thực trạng ý thức và kết quả học tập nội dung phổ tu Thể dục của sinh viên, làm căn cứ lựa chọn giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn Thể dục phổ tu cho đối tượng nghiên cứu.

Từ khóa: Thực trạng, giảng dạy Thể dục phổ tu, sinh viên năm thứ nhất, ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh.

Summary: Through standard research methods, an assessment of the current state of teaching Physical Education to first-year students majoring in Physical Education at Bac Ninh University of Sports and Physical Education was conducted. This assessment, based on curriculum content, teaching conditions, and the awareness and academic performance of students in Physical Education, provides the foundation for selecting appropriate solutions to enhance the effectiveness of teaching Physical Education for the research subjects.

Keywords: Current state, teaching Physical Education, first-year students, Physical Education major, Bac Ninh University of Sports and Physical Education.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn Thể dục là một môn học bắt buộc cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất (GDTC) Trường Đại học Thể dục Thể thao (TDTT) Bắc Ninh, môn học Thể dục phổ tu trang bị cho sinh viên nhằm những kiến thức và năng lực thực tiễn về môn học Thể dục (chỉ huy, thị phạm giảng giải, biên soạn bài...), phục vụ đắc lực cho công tác giảng dạy nội và ngoại khóa môn học này tại các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân sau khi tốt nghiệp. Qua thực tế giảng dạy và quan sát nhiều năm với nhiều đối tượng học môn Thể dục của các khóa phổ tu nhận thấy: Kết quả học tập của sinh viên trong những năm gần đây đã có những tiến bộ, chất lượng giảng dạy đã được nâng lên. Tuy nhiên với những thay đổi về chương trình giảng dạy cho các ngành đào tạo, quỹ thời gian cho môn học giảm bớt, điều kiện thời tiết không thuận lợi... đã có những áp lực đòi hỏi phải có những giải pháp mới nhằm củng cố, duy trì chất lượng và nâng cao hiệu quả giảng dạy.

1. Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để có những giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn học Thể dục phổ tu cho sinh viên năm thứ nhất ngành GDTC, thì việc đánh giá thực trạng công tác giảng dạy môn Thể dục phổ tu cho đối tượng nghiên cứu là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Phân tích và tổng hợp tài liệu tham khảo, phỏng vấn tọa đàm, quan sát sư phạm, kiểm tra sư phạm và phương pháp toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy tại bộ môn Thể dục

Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy Bộ môn Thể dục trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Tổng số giáo viên của bộ môn giữ ổn định. Số lượng giáo viên giảng dạy trực tiếp giảng dạy môn phổ tu thể dục cơ bản ổn định, trong đó 42,8% - 50% xuất thân là vận động viên Thể dục quốc gia và đều có thâm

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giáo viên giảng dạy tại bộ môn Thể dục

| Năm học | Giáo viên | Số lượng | Thành phần | | Trình độ CM (VĐV TD QG) | | Số năm công tác (GV chính thức) | | | Tham gia giảng dạy môn TDPT | |
|--------------|-----------|----------|------------|------------|-------------------------|---------|---------------------------------|-----------|---------|-----------------------------|---------|
| | | | Chính thức | Kiểm nhiệm | SL | tỉ lệ % | <10 năm | 10-20 năm | >20 năm | SL | Tỉ lệ % |
| 2018 - 2020 | | 10 | 7 | 3 | 3 | 42.8 | 3 | 3 | 1 | 7 | 100 |
| 2020 đến nay | | 10 | 6 | 4 | 3 | 50 | 3 | 3 | 0 | 6 | 100 |

Bảng 2. Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất của bộ môn Thể dục phục vụ công tác giảng dạy và học tập nội dung phổ tu Thể dục

| TT | Cơ sở vật chất | Tiêu chuẩn | | Hiệu quả sử dụng (48 buổi) | | |
|----|------------------------------|------------|------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| | | Số lượng | Chất lượng | Thường xuyên >60% (>28 buổi) | Trung bình 50% -60% (24-27) | Không thường xuyên <50% (<24) |
| 1. | Sân tập Thể dục | 1 | Tốt | - | - | 16 buổi |
| 2. | Sân đá cầu | 1 | Khá | 30 buổi | - | - |
| 3. | Hành lang nhà tập | 1 | Trung bình | - | - | 2 buổi |
| 4. | Loa đài | 2 | Tốt | 2 | - | - |
| 5. | Phương tiện hỗ trợ giảng dạy | - | Kém | - | - | - |

niên công tác < 20 năm. Chứng tỏ giáo viên bộ môn về sức khỏe, tuổi đời, tuổi nghề đều có khả năng đáp ứng tốt với yêu cầu giảng dạy, ngoài ra các giáo viên kiêm nhiệm đều trực tiếp giảng dạy được.

2.2. Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất của bộ môn Thể dục

Thực trạng điều kiện cơ sở vật chất của bộ môn Thể dục được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Về sân bãi: Có 03 sân tập nhưng chỉ có 01 sân đạt tiêu chuẩn trong đó 2/3 sân không được sử dụng thường xuyên. Nguyên nhân do nội dung phổ tu thể dục được dạy vào thời điểm tháng 10-11 nên thời tiết nắng, sân đủ diện tích nhưng không có mái che, loa đài không thuận tiện, vì vậy tuy địa điểm thứ 3 là hành lang nhà tập dù phải tận dụng cả đường đi nhưng với ưu thế có mái che và bóng mát, đặc biệt do nguyên nhân khách quan là tiết 1-2 thường xuyên bị trùng giờ nên bắt buộc phải

triển khai tập luyện tại hành lang.

2.3. Thực trạng về nội dung chương trình giảng dạy môn phổ tu thể dục

Phân tích thực trạng nội dung chương trình giảng dạy môn phổ tu thể dục cho thấy:

Thứ nhất: phổ tu Thể dục không có nội dung lý thuyết. Điều này khiến cho sinh viên chỉ có kỹ năng thực hành cơ bản nhất về môn phổ tu thể dục mà không đủ kiến thức để có thể tự biên soạn bài tập cho các đối tượng học sinh.

Thứ hai: Tiến trình phổ tu thể dục luôn dạy mới không có thời gian ôn tập củng cố.

Thứ ba: Thời gian dành cho nội dung phổ tu thể dục không đủ: Theo tiến trình đã hoạch định, thời gian cho nội dung phổ tu thể dục là 6 giáo án. Với 6 giáo án chỉ đủ để dạy lướt qua các động tác lẻ (không có thời gian ôn tập), không có thời gian cho việc hình thành và củng cố bài liên hoàn cũng như không có thời gian trang bị kiến thức lý luận cần thiết.



Ảnh minh họa (Nguồn: Internet)

Thứ tư: Nội dung kiểm tra học trình học phần chưa hợp lý.

Thứ năm: Nội dung tiến trình ngoại khóa đơn điệu:

Tóm lại, những phân tích trên cho thấy nội dung, tiến trình, yêu cầu thi kiểm tra của môn phổ tu thể dục đều chưa thỏa mãn được mục tiêu của môn học đã đề ra. Để nâng cao chất lượng đào tạo chung của bộ môn, tạo ra các sản phẩm đáp ứng được yêu cầu thực tiễn xã hội, đòi hỏi bộ môn cần có biện pháp điều chỉnh khắc phục.

2.4. Thực trạng phương pháp giảng dạy và tổ chức giờ học phổ tu thể dục

Để tìm hiểu các phương pháp và cách thức tổ chức giờ học phổ tu Thể dục của bộ môn Thể dục, đề tài đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi đối với các giáo viên trực tiếp tham gia giảng dạy tại bộ môn, tổng số 9 người. Kết quả cho thấy có độ tập trung rất cao, cụ thể:

- Về phương pháp giảng dạy: Từ giáo án 1 - 4 trong phần dạy học động tác có 100% số giáo viên sử dụng các phương pháp giảng giải, thị phạm, nhắc nhở, dẫn bài. Đặc biệt phương pháp

nhắc nhở và dẫn bài được sử dụng xuyên suốt quá trình giảng dạy. Từ thực tế trên thấy rằng giáo viên đã bám sát và sử dụng nhiều phương pháp dạy học truyền thống để truyền tải kiến thức cho sinh viên, trong buổi học giáo viên luôn là người hướng dẫn và giúp đỡ đảm bảo cho sinh viên tiếp thu bài với hiệu quả cao nhất.

- Về phương pháp tổ chức giờ học phổ tu Thể dục: Phương pháp tổ chức đồng loạt và sáng tạo tình huống được sử dụng xuyên suốt quá trình giảng dạy. Khi được hỏi về vấn đề này 100% giáo viên đều cho biết phương pháp tổ chức đồng loạt ưu thế hơn phân nhóm.

2.5. Thực trạng ý thức và kết quả học tập nội dung phổ tu Thể dục của sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Dựa trên kết quả phỏng vấn lựa chọn các tiêu chí đánh giá thực trạng ý thức thái độ học tập phổ tu Thể dục của sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh tác giả tiến hành phỏng vấn 231 sinh viên K56 chuyên ngành GDTC vừa học xong nội dung phổ tu Thể dục. Kết quả phỏng vấn được trình bày trên bảng 3.

Bảng 3. ThỰC TRẠNG Ý THỨC THÁI ĐỘ HỌC TẬP PHỔ TU THỂ DỤC CỦA SINH VIÊN PHỔ TU TRƯỜNG ĐẠI HỌC TĐTT BẮC NINH (n= 231)

| TT | Tiêu chí | Kết quả lựa chọn | | | Tổng điểm |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|---------------|-----------|
| | | Mức độ 1 (5đ) | Mức độ 2 (3đ) | Mức độ 3 (1đ) | |
| Sự hứng thú của sinh viên với nội dung phổ tu Thể dục | | | | | |
| 1. | Sinh viên hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của nội dung phổ tu Thể dục với công việc sau này của mình | 137 | 64 | 30 | 907 |
| 2. | Mức độ hứng thú của sinh viên với nội dung phổ tu Thể dục | 88 | 100 | 43 | 783 |
| 3. | Sinh viên chủ động, tự giác thực hiện nội dung nhiệm vụ giáo án | 68 | 114 | 49 | 731 |
| 4. | Trong giờ học chăm chú nghe giáo viên giảng giải và quan sát giáo viên thị phạm | 102 | 83 | 46 | 805 |
| 5. | Mong muốn chờ đợi đến giờ tập luyện phổ tu Thể dục | 63 | 49 | 118 | 580 |
| 6. | Có hứng thú tìm hiểu sâu hơn nội dung phổ tu Thể dục | 49 | 86 | 96 | 599 |
| Ý thức thái độ học tập nội dung phổ tu Thể dục của sinh viên | | | | | |
| 7. | Có ý thức và thái độ sẵn sàng trước khi lên lớp giờ học phổ tu Thể dục | 103 | 96 | 32 | 835 |
| 8. | Thực hiện nhanh chóng các yêu cầu của giáo viên | 87 | 111 | 33 | 801 |
| 9. | Trong các cuộc thi giữa các nhóm hăng hái tham gia vì danh dự của tổ (nhóm) | 86 | 94 | 51 | 763 |
| 10. | Sáng tạo trong vận dụng phương pháp để đạt kết quả học tập tốt | 25 | 96 | 110 | 523 |
| 11. | Kiên trì nỗ lực học tập nhằm đạt được mục tiêu đề ra | 52 | 110 | 68 | 658 |
| 12. | Chủ động có trách nhiệm với các nhiệm vụ học tập của tổ (nhóm) | 42 | 100 | 89 | 599 |
| 13. | Có niềm tin sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập phổ tu Thể dục | 136 | 64 | 31 | 903 |
| Sử dụng thời gian tự học | | | | | |
| 14. | Tích cực trong tập luyện ngoại khóa | 24 | 79 | 128 | 485 |
| 15. | Hoàn thành tốt các bài tập về nhà | 76 | 164 | 91 | 963 |
| 16. | Tích cực động viên các thành viên trong lớp cùng tập luyện phổ tu Thể dục ngoại khóa | 38 | 111 | 182 | 705 |

Bảng 4. Xếp loại kết quả học tập nội dung phổ tu thể dục của sinh viên Trường ĐH TDTT Bắc Ninh trong 3 năm (2018 – 2020)

| Khóa | Xếp loại (số người/%) | | | | | | | | | |
|---------------------|-----------------------|------------|----------------|------------|---------------|------------|----------------|------------|-------------|------------|
| | Giỏi (9-10) đ | Tỷ lệ % | Khá (7-8) đ | Tỷ lệ % | TB (5-6) đ | Tỷ lệ % | Yếu (3-4) đ | Tỷ lệ % | Kém < 3đ | Tỷ lệ % |
| Khóa 54 (n =348) | 48 | 13.8 | 116 | 33.2 | 153 | 44.1 | 20 | 5.7 | 11 | 3.2 |
| Khóa 55 (n =312) | 47 | 15.1 | 91 | 29.3 | 143 | 45.7 | 15 | 4.8 | 16 | 5.1 |
| Khóa 56 (n =364) | 59 | 16.2 | 111 | 30.6 | 169 | 46.3 | 16 | 4.4 | 9 | 2.5 |

Qua 3 cho thấy: Nếu lấy mức 70% tổng điểm tối đa (808.5 điểm) làm tiêu chuẩn thì chỉ có 4/16 chỉ tiêu đạt yêu cầu. Trong đó sinh viên tuy hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của nội dung phổ tu Thể dục với công việc sau này của mình nhưng không hứng thú với môn học, ý thức học cũng không cao, không tích cực học ngoại khóa nhưng vẫn có khả năng hoàn thành tốt bài tập về nhà và có niềm tin hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Như vậy có thể thấy rằng sinh viên phổ tu chưa đầu tư học tập đúng mức trong môn phổ tu Thể dục, hay nói cách khác chương trình phổ tu Thể dục chưa lôi cuốn được sinh viên.

Để tìm hiểu thực trạng kết quả học tập nội dung phổ tu Thể dục của sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh, đề tài tiến hành đánh giá và so sánh kết quả học tập của sinh viên thuộc 3 khóa 54, 55 và 56, kết quả như trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên xếp loại giỏi có tăng nhưng không đáng kể, ngược lại sinh viên xếp loại khá, trung bình, yếu, kém có sự biến động không rõ quy luật. Số lượng sinh viên đạt mức trung bình đến khá có tỉ lệ rất cao từ 75% - 77.3%.

3. KẾT LUẬN

Thông qua việc đánh giá thực trạng công tác dạy và học nội dung phổ tu Thể dục cho đối tượng sinh viên trường Đại học TDTT Bắc Ninh cho thấy: Tuy lực lượng giáo viên có khả năng đáp ứng tốt với yêu cầu giảng dạy, nhưng điều kiện cơ sở vật chất, nội dung tiến trình, yêu cầu thi kiểm tra, phương pháp giảng dạy, nội dung

tiến trình ngoại khóa trong môn phổ tu Thể dục hiện tại đều chưa thỏa mãn được mục tiêu của môn học đã đề ra. Đối với sinh viên, ý thức thái độ học tập phổ tu Thể dục chưa đạt yêu cầu dẫn đến kết quả học tập của nhiều sinh viên chỉ dừng ở mức độ học đối phó, chưa thực sự đáp ứng với mục tiêu môn học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đồng Văn Triệu, Lê Anh Thơ (2000), *Lý luận và phương pháp GDTC trong trường học, giáo trình giảng dạy cho sinh viên các trường Đại học TDTT*, NxbTDTT Hà Nội.

2. Nguyễn Kim Xuân (2005), *Nghiên cứu xây dựng chương trình, nội dung và phương pháp giảng dạy thể dục nhịp điệu (Sport Aerobic) cho sinh viên Trường Đại học TDTT I*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường.

3. Nguyễn Xuân Sinh (2007), *Giáo trình nghiên cứu khoa học thể dục thể thao*, Nxb TDTT, Hà Nội

4. Nguyễn Đức Văn (2000), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: Bài báo được trích từ luận văn thạc sĩ, tác giả: Ngô Thị Thúy Nga; giáo viên chỉ đạo: TS. Nguyễn Văn Hòa; tên đề tài: "Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy môn Thể dục phổ tu cho sinh viên Ngành giáo dục thể chất Trường Đại học TDTT Bắc Ninh" đề tài đã bảo vệ năm 2022, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Ngày nhận bài: 6/9/2023; Ngày duyệt đăng: 20/9/2023.